**NS:**

**ND: BÀI 4 - SẮC THÁI CỦA TIẾNG CƯỜI (TRUYỆN CƯỜI)**

**Môn học**: Ngữ văn/Lớp: 8

**Thời gian thực hiện**: 12 tiết (44-55)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được đề tài, câu chuyện, nhân vật chính trong chỉnh thể tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

- Nêu được những thay đổi suy nghĩ tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu, chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.

- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 44, 45 VĂN BẢN 1. 2**

***VẮT CỔ CHẠY RA NƯỚC - MAY KHÔNG ĐI GIÀY***

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Theo em như thế nào là keo kiệt?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **\* Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về truyện cười**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về truyện cười:  *+ Truyện cười là gì?*  *+ Cốt truyện thường xoay quanh vấn đề gì?*  *+ Nhân vật trong truyện cười được chia thành mấy loại?*  *+ Nhận xét về ngôn ngữ được sử dụng trong truyện cười*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **I.** **Tìm hiểu chung**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và xác định thể loại của hai văn bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Tri thức Ngữ văn**  **Truyện cười**  Là thể loại tự sự dân gian chứa đựng yếu tố gây cười, nhằm mục đích giải trí, hoặc phê phán, châm biếm, đã kích những thói hư, tật xấu trong cuộc sống. Truyện cười là một trong những biểu hiện sinh động cho tính lạc quan, trí thông minh sắc sảo của tác giả dân gian.  **- Cốt truyện** thường xoay quanh những tình huống, hành động có tác dụng gây cười. Cuối truyện thường có sự việc bất ngờ, đẩy mâu thuẫn đến đỉnh điểm, lật tẩy sự thật, từ đó tạo ra tiếng cười.  Bối cảnh thường không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, có thể là bối cảnh không xác định, cũng có thể là bối cảnh gần gũi, thân thuộc thể hiện đặc điểm thiên nhiên, văn hoá, phong tục gắn với từng truyện.  **Nhân vật thường có hai loại:**  Loại thứ nhất thường là những nhân vật mang thói xấu phổ biến trong xã hội như: lười biếng, tham ăn, keo kiệt,... hoặc mang thói xấu gắn với bản chất của một tầng lớp xã hội cụ thể. Đây chính là những đối tượng mà tiếng cười hướng đến. Bằng các thủ pháp trào phúng, tác giả dân gian biến các kiểu nhân vật này thành những bức chân dung hài hước, lạ đời, tạo nên tiếng cười vừa mang ý nghĩa xã hội vừa có giá trị thẩm mĩ.  Loại thứ hai thường là những nhân vật tích cực, dùng trí thông minh, sự sắc sảo, khôn ngoan để vạch trần, chế giễu, đả kích những hiện tượng và những con người xấu xa của xã hội phong kiến (truyện Trạng Quỳnh, Xiển Bột,...) hoặc dùng khiếu hài hước để thể hiện niềm vui sống, tinh thần lạc quan trước sự trù phủ của môi trường thiên nhiên hay những thách thức do chính môi trường sống mang lại (truyện Bác Ba Phi,...).  **- Ngôn ngữ** thường ngắn gọn, súc tích, hài hước, mang nhiều nét nghĩa hàm ẩn,... Các thủ pháp gây cười khá đa dạng, linh hoạt. Dưới đây là một số thủ pháp thường gặp:  1. Tạo tình huống trào phúng bằng một trong hai cách sau hoặc kết hợp cả hai cách:  a.Tô đậm mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoàigiữa thật và giảgiữa lời nói hành động.  b. Kết hợp khéo léo lời người kể chuyện và lời nhân vật hoặc lời của các nhân vật  tạo nên những liên tưởng, đối sảnh bất ngờ, hải hước, thú vị  2. Sử dụng các biện pháp tu từ giàu tính trào phúng (lối nói khoa trương, phóng đại chơi chữ,...)  **I.** **Tìm hiểu chung**  ***- Thể loại:*** Truyện cười  ***- Đề tài*** của hai truyện trên là phê phán, đả kích những người có thói quen sống hà tiện, keo liệt (phê phán những thói xấu trong xã hội).  ***- Nhan đề:*** Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày đã thể hiện được nội dung của mỗi truyện bởi thông qua nhan đề người đọc đoán được nội dung cũng như biết được đối tượng văn bản hướng đến. |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **Nhiệm vụ: Thảo luận nhóm đôi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Em có nhận xét gì về bối cảnh của hai truyện cười trên?*  *+ Các nhân vật trong hai truyện cười trên thuộc loại nhân vật nào của truyện cười?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Bối cảnh của truyện**  Hai truyện trên tác giả tập trung vào cốt truyện, nhân vật còn bối cảnh không được miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, bối cảnh không xác định.  **2. Nhân vật trong truyện**  Các nhân vật trong hai truyện trên thuộc loại nhân vật mang những thói xấu phổ biến trong xã hội.  **\*Vắt cổ chày ra nước**  ***- Nhân vật ông chủ:***  + Khi người đầy tớ xin tiền để uống nước, tỏ thái độ chê bai “Thằng này ngốc…”  + Kiếm cớ để từ chối cho đầy tớ mượn tiền: “Hai bên đường thiếu gì ruộng ao,có khát thì xuống đấy tha hồ uống, tìm vào quán làm gì cho phiền”  => Keo kiệt, bủn xỉn không muốn cho người khác mượn tiền  - Đồng thời sự kẹt xỉ của lão không dừng lại ở đó mà còn có xu hướng tăng lên khiến người đối diện cũng cảm thấy cạn lời.  - Ban đầu thì mách xuống ao hồ mà uống nước, sau đó lại bảo lấy khố tải buộc vào người để mồ hôi ra và thấm vào đó. Khi nào khát nước thì vắt từ khố tải ra để uống.  - Nhưng mức độ cao nhất của sự keo kiệt này lại được thể hiện qua câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã cua cũng được!”. Ai mà chẳng biết cái chày thì làm gì vắt được chứ đừng nói đến việc vắt ra nước. Vì thế, anh đầy tớ nói như vậy không phải là mượn chày để vắt nước uống mà thật ra là mang hàm ý chê cười, mỉa mai cái tính ki bo của ông chủ.  => Kẻ ki bo hà tiện  ***- Nhân vật đầy tớ:***  + Hoàn cảnh mượn tiền: ông chủ sai về quê có việc => xin mấy đồng tiền để uống nước dọc đường  + Câu nói của anh đầy tớ “Ông cho con mượn cái chày giã cua cũng được!”  => cách để châm biếm, chế giễu một cách lịch sự những kẻ có điều kiện nhưng lại keo kiệt ở mức quá đáng. Điều này khiến cho người đọc vừa bất mãn với sự ki bo của lão chủ nhà vừa bật cười và thán phục vì sự khéo léo của anh đầy tớ.  **\*May không đi giày**  Nhân vật là người có tính hà tiện:  + Khi vấp hòn đá khiến ngón chân chảy máu nhưng không hề phàn nàn  + Thay vào đó là câu nói “chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày”  => Keo kiệt, hà tiện đến mức thà chịu đau đớn chứ không muốn giày bị hư hỏng, phải bỏ tiền mua đôi giày mới |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu 5 (trang 82, SGK Ngữ văn 8, tập 1)**  Câu nói: “Dạ, vắt cổ chảy cũng ra nước!” của nhân vật “người đầy tớ” trong *truyện Vắt cổ chày ra nướ*c và câu nói: “... may là vì tôi không đi giày! Chớ mà đi giày thì rách mất mũi giày rồi còn gì!” của nhân vật “ông hà tiện” trong truyện *May không đi giày* có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của truyện?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | SP của học sinh |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  *Viết đoạn văn (khoảng năm đến bảy câu) trình bày sự khác nhai giữa keo kiệt và tiết kiệm*  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện viết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**Tiết 46, 47 VĂN BẢN 3. 4**

**KHOE CỦA – CON RẮN VUÔNG**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức trò chơi “Vua Tiếng Việt” với yêu cầu HS sắp xếp thứ tự các chữ cái tạo thành từ có nghĩa.  a. e/k/k/i/ê/o/t  b.ư/t/i/n/ê/g/c/ơ/i  c.i/m/a/m/a/i  d. o/e/h/k/u/a/c  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chơi trò chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới | SP của học sinh |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Nêu đề tài của văn bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | - Thể loại: Truyện cười  - Đề tài: Cả hai câu truyện thuộc truyện cười, xoanh quanh câu chuyện hai người khoe áo mới và lớn cưới và chuyện anh chồng kể về câu chuyện vào rừng gặp con rắn to. |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Việc nói rõ thông tin “lợn cưới”, “áo mới” có cần thiết không? Nói như vậy nhằm mục đích gì*  *+ Người vợ trêu chồng như thế nào*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng    **\* Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm****câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.***    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức** | **1. Văn bản khoe của**  **a.** Tính khoe của và những của được đem khoe  - Tính khoe của là thói thích tỏ ra, trưng ra cho người ta biết là mình giàu. Đây là thói xấu, thường thấy ở những người có nhiều của, những người giàu có, dư thừa, thích học đòi. Thói xấu này biểu hiện ở cách ăn mặc, trang sức, xây cất, bài trí nhà cửa, cách nói năng, giao tiếp.  - Những của được đem ra khoe:  + Chiếc áo mới  + Một con lợn để thịt làm đám cưới.  => Những vật rất bình thường. Từ đó chế giễu tính hay khoe, khoe của.  b. Cách khoe của mỗi nhân vật  - Anh có áo mới:  + Có chiếc áo mới liền mặc ngay mà không hề đợi đến ngày lễ hoặc tếm có dịp nào đó.  + Anh ta “ đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen”  + Anh kiên nhẫn đứng từ sáng đến chiều.  + Khi anh lợn cưới đến thì giơ vạt áo ra và trả lời.  => Hành động thừa, lố bịch và trả lời thừa một vế.  - Anh có lợn cưới:  + Anh đi tìm lợn khoe trong lúc nhà đang có việc lớn ( nhà có đám cưới), lợn để làm cỗ cho lễ cưới lại bị sổng mất.  + Lẽ ra chỉ cần hỏi người ta “ Bác có thấy con lợn của tôi chạy qua đây không?” Hoặc có thể miêu tả lại con lợn bị sổng như thế nào? Nhưng anh có lượn lại thế từ “ cưới” vào thành “ lợn cưới” không phải từ thích hợp để chỉ con lợn bị sổng.  => Mục đích của anh ta chỉ để khoe lợn, khoe của.  **2. Con rắn vuông**  - Anh chồng nói khoác kể cho vợ nghe câu chuyện vào rừng gặp con rắn to.  - Biết chồng có tính nói khoác nên người vợ đã trêu người chồng bằng cách tỏ thái độ ngạc nhiên trước sự miêu tả của chồng và hỏi dồn người chồng liên tục các câu hỏi để người chồng phải tự nói ra sự thật.  - Những lời nói phi lý của anh chồng được thể hiện rõ, sự không quyết đoán cũng được miêu tả qua những lần thay đổi câu trả lời khi bị người vợ hỏi vặn.  - Khắc họa tính cách thích nói khoác của người chồng. Lời đối đáp thể hiện sự lúng túng và thay đổi câu trả lời liên lục khi bị người vợ bóc trần sự vô lí. Bởi thứ anh ta thấy không phải sự thật, vậy nên mới không chắc chắn và sửa lời ban đầu của mình như vậy.  **3. Tiếng cười và thủ pháp gây cười trong các truyện Khoe của và Con rắn vuông**  Các nhân vật trong hai chuyện cười trên đều gây cười và tạo nên các tình huống châm biếm bằng cách sử dụng những lời đối đáp. Tuy nhiên, tình huống truyện có sự khác nhau giữa hai văn bản. Trong truyện khoe của, cả hai nhân vật đều có thói khoác lác, hay khoe. Còn trong truyện con rắn vuông, chỉ có nhân vật người chồng mới hay nói khoác. Người vợ biết tính chồng, để tạo nên yếu tố gây cười, tác giả để người vợ trêu chọc lại chồng và để người chồng tự thể hiện ra sự vô lý trong lời nói của mình, tự nhận ra tính cách đáng phê phán của mình. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Câu 1: Trong truyện Khoe của, anh chàng khoe lợn đã nói thừa chữ gì?**  A. Lợn  B. Cưới  C. Con lợn  D. Thấy  **Câu 2: Anh chàng khoe áo nói thừa cụm từ nào sau đây?**  A. Từ lúc tôi mặc cái áo mới này  B. Tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả  C. Cả 2 cụm từ trên  **Câu 3**: Trong truyện Con rắn vuông, người chồng đã rút ngắn chiều dài của con rắn xuống mấy lần?  A. 3 lần  B. 4 lần  C. 5 lần  D. 6 lần  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | Dự kiến sản phẩm:  Câu 1: B  Câu 2: A  Câu 3: B |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Các tổ lựa chọn 1 trong 2 truyện, phân vai diễn lại câu chuyện  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện đóng kịch  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**Tiết 48 ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: TIẾNG CƯỜI CÓ LỢI ÍCH GÌ ?**

**(Theo Ô-ri-sơn Xơ – goét Ma – đơn)**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát cho HS 1 tờ giấy note, yêu cầu HS ghi lại những từ khóa liên quan đến lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV động viên tất cả HS trong lớp đều tham gia và nộp lại phiếu cho GV  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới | SP của học sinh |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *O-ri-sơn Xơ-goét Ma-đơn*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***1. Tác giả***  O-ri-sơn Xơ – goét Ma – đơn (1848 – 1924) là một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ đã viết về việc đạt được thành công trong cuộc sống và thành lập tạp chí SUCCESS vào năm 1897.  **2. Tác phẩm**  - Thể loại: nghị luận  - Đề tài: Lợi ích của tiếng cười trong cuộc sống |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* NV1:** Lợi ích của tiếng cười  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV chia lớp làm 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ sau:**  **?** Văn bản đề cập đến những lợi ích nào của tiếng cười?  ? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản?  **-** Hoàn thành phiếu học tập:  Vấn đề bàn luận  Ý kiến  Ý kiến  Ý kiến  Lí lẽ, bằng chứng  Lí lẽ, bằng chứng  Lí lẽ, bằng chứng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trả lời các câu hỏi.  - GV theo dõi, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.  Vấn đề bàn luận  (Lợi ích của tiếng cười)  Trị liệu những căn bệnh tinh thần.  Mang đến niềm vui, gắn kết mọi người với nhau.  Giúp cơ thể khỏe mạnh.  - Tạo không khí thân thiện giữa mọi người, kéo điều tươi sáng đến gần ta hơn  - Một thầy thuốc vui vẻ sẽ giúp ích nhiều hơn viên thuộc họ kê cho bệnh nhân; Dẫn chứng về vị bác sĩ Bơ-đích (Niu Oóc)  - Giúp thân thể vận động dễ chịu.  - Kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn.  - Cơ thể căng tràn sức sống; Cơ thể được cấu trúc vững chắc và hài hòa hơn  **\* Nhiệm vụ 2:** Tầm quan trọng của tiếng cười.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau:  ? Em hiểu thế nào về câu ngạn ngữ ở cuối văn bản?  ? Việc tác giả dùng câu ngạn ngữ làm câu kết có ý nghĩa gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời  - GV gợi ý  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.  Các HS khác theo dõi và nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - HS hoàn chỉnh các nội dung trong các câu hỏi **.**  **🡪** Tiếng cười giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong cuộc sống. Trong công việc, học tập, khi gặp khó khăn bất trắc chúng ta hãy lạc quan, tạo sự hài hước vui vẻ để tiếp thêm sức mạnh vươn lên. Nhưng cũng cần tránh những hành động gây cười lố bịch như những anh chàng keo kiệt, khoe khoang, khoác lác mà chúng ta đã được học ở các VB trước.  **\* Nhiệm vụ 3:** Làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau:  ? Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời  - GV gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.  Các HS khác theo dõi và nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  - HS hoàn chỉnh các nội dung trong các câu hỏi | **1. Lợi ích của tiếng cười:**  **a.**  **Lợi ích của tiếng cười:**  - Giúp cơ thể khỏe mạnh.  - Trị liệu những căn bệnh tinh thần.  - Mang đến niềm vui, gắn kết mọi người với nhau.  **b. Mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản:**  \*Lợi ích của tiếng cười:  - Giúp cơ thể khỏe mạnh  + Giúp thân thể vận động dễ chịu.  + Kích thích máu trong cơ thể lưu thông tốt hơn.  + Cơ thể căng tràn sức sống; Cơ thể được cấu trúc vững chắc và hài hòa hơn.  - Trị liệu những căn bệnh tinh thần.  + Một thầy thuốc vui vẻ sẽ giúp ích nhiều hơn viên thuộc họ kê cho bệnh nhân; Dẫn chứng về vị bác sĩ Bơ-đích (Niu Oóc)  - Mang đến niềm vui, gắn kết mọi người với nhau.  + Tạo không khí thân thiện giữa mọi người, kéo điều tươi sáng đến gần ta hơn.  **2. Tầm quan trọng của tiếng cười:**  - Ý nghĩa của câu ngạn ngữ ở cuối văn bản: Niềm vui giúp cho cuộc sống của con người ý nghĩa hơn, đáng sống hơn và nâng cao chất lượng cuộc sống.  - Tác giả sử dụng câu này để khẳng định tầm quan trọng của tiếng cười trong cuộc sống của con người.  **3. Làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?**  - Suy nghĩ tích cực hơn.  - Làm việc tốt mỗi ngày.  - Đọc truyện cười, hay những cuốn sách mang ý nghĩa tích cực.  - Học cách trân trọng những giá trị của cuộc sống. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Tác phẩm có những đặc sắc gì về nghệ thuật ?  + Cho biết nội dung, ý nghĩa của văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***1. Nghệ thuật***  - Lối lập luận chặt chẽ, logic  - Dẫn chứng, lí lẽ xác thực  ***2. Nội dung***  Văn bản cho ta thấy ý nghĩa của tiếng cười trong cuộc sống. Nụ cười nhắc nhở mọi người rằng, dù sao thì chúng ta vẫn đang còn sống, và sẽ không có bất cứ chuyện gì khác có thể xem là quan trọng hơn việc ta đang được sống giữa cuộc đời này. |

**\* Hoạt động 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV nêu câu hỏi yêu càu HS suy nghĩ, tìm câu trả lời đúng nhất.  - **Câu 1:** Tác giả của văn bản là:  A. Một nhà thơ nổi tiếng người Anh   1. Một chính khách người Pháp   **C. Một tác giả truyền cảm hứng người Mỹ**  D. Một nhà tâm lí học có ảnh hưởng lớn người Canada  **Câu 2:** Văn bản được trích từ:  A. Cuộc sống tươi đẹp làm sao  B. Nghệ thuật và tiếng cười  C. Mười vạn câu hỏi vì sao  **D. Bắt đầu mỗi ngày bằng nụ cười, ngay cả tăm tối cũng phải tươi rói**  **Câu 3:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?  A. Tự sự  B. Miêu tả  C. Biểu cảm  **D. Nghị luận**  **Câu 4:***“Một trái tim vui cũng như một phương thức tốt”.* Đây là một câu:  **A. Ngạn ngữ**  B. Ca dao  C. Tục ngữ  D. Thơ  **Câu 5:** Tác giả cho rằng một nụ cười tươi có tác dụng gì?  A. Giúp chúng ta có thể ra đi thanh thản lúc cuối đời.  B. Ngay lập tức chuyển đổi trạng thái tinh thần từ căm hận sang yêu mến.  **C. Dễ dàng tạo cảm giác và không khí thân thiện giữa mọi người, kéo những điều tốt đẹp, tươi sáng đến gần ta hơn.**  D. Tất cả các đáp án trên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và tìm phương án trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.  - Các HS khác theo dõi và nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | SP của học sinh |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Câu hỏi: Theo em, làm thế nào để lan tỏa nụ cười trong cuộc sống của chúng ta?  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**Tiết 49 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm tương đương với 4 trạm  + Trạm 1: Ở trạm 1, HS sẽ được GV phát 1 mật thư trong đó chứa hình vẽ ẩn chứa ý nghĩa của một câu thành ngữ. HS có nhiệm vụ không viết, không đọc câu tục ngữ đó, hãy dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho các thành viên ở trạm 2 hiểu  + Trạm 2: Sau khi được trạm 1 gợi ý. Trạm 2 đưa ra câu thành ngữ tiếp tục dùng ngôn ngữ cơ thể để giải thích cho trạm 3  + Trạm 3: Đoán thành ngữ và dùng ngôn ngữ cơ thể giải thích cho trạm 4  + Trạm 4: Đọc đúng câu thành ngữ và giải nghĩa câu  ( các trạm liên tục thay đổi thành viên nhận câu thành ngữ)  - HS suy nghĩ trả lời  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới | SP của học sinh |

**\*Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **1.Tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  Cho HS đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi trong phiếu học tập.  Tôi muốn thử sức nên nhìn mẹ tôi hỏi:  - Mẹ đưa bút thước cho con cầm.  Mẹ cúi đầu nhìn tôi với cặp măt âu yếm:  Thôi để mẹ cầm cũng được.  (?) Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu văn sau ?  **Phiếu học tập số 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Câu văn | Hàm ý | | 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* |  | | 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* |  |   (?) Qua tìm hiểu ở trên, em hãy cho biết: Thế nào là nghĩa tường minh? Thế nào là nghĩa hàm ẩn ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  **GV**: Gọi đại diện HS trả lời.  **HS**:  - Đại diện trả lời câu hỏi.  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang mục sau.  **2.Tìm hiểu về từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Phiếu học tập số 2:**  (?) Tìm từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng trong đoạn lời bài hát, đoạn thơ sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng | | 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  ( Vườn cây của ba- Phan Nhân) |  | | 2 | Tôi hỏi nội tôi: “Dừa có tự bao giờ?”  Nội nói: “ Lúc nội còn con gái  Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân”.  (Dừa ơi- Lê Anh Xuân) |  |   ? Qua phần tìm hiểu trên, em hãy cho biết: Thế nào là từ ngữ địa phương? Thế nào là từ ngữ toàn dân?  ? Chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần thực hành. | **1.Tìm hiểu về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.**  **Phiếu học tập số 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Câu văn | Hàm ý | | 1 | *Mẹ đưa bút thước cho con cầm.* | Mẹ hãy để con tự thử sức. | | 2 | *Thôi để mẹ cầm cũng được.* | Không đồng ý vì nghĩ con còn nhỏ, chưa đủ sức, phải có mẹ giúp đỡ. |   **-** *Nghĩa tường minh* là phần thông báo được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu, là loại nghĩa chúng ta có thể nhận ra trên bề mặt câu chữ.  *- Nghĩa hàm ẩn* là phần thông báo không được thể hiện trực tiếp bằng từ ngữ trong câu mà được suy ra từ câu chữ và ngữ cảnh. Đây là loại nghĩa mà người nói, người viết thật sự muốn đề cập đến.  Ví dụ: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.* (Tục ngữ)  - Nghĩa hàm ẩn thường được sử dụng trong sáng tác văn chương và trong đời sống hàng ngày.  **2.Tìm hiểu về từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.**  **-** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương ứng :   |  |  |  | | --- | --- | --- | | TT | Đoạn lời bài hát, đoạn thơ | Từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng | | 1 | Má trồng toàn những cây dễ thương  Nào là hoa, là rau, là lúa  Còn ba trồng toàn cây dễ sợ…  (Vườn cây của ba- Phan Nhân) | - Má (mẹ)  - Ba (cha, bố) | | 2 | Tôi hỏi nội tôi: “Dừa có tự bao giờ?”  Nội nói: “ Lúc nội còn con gái  Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân.  (Dừa ơi- Lê Anh Xuân) | - Nội ( bà nội) |   *- Từ ngữ toàn dân* là từ ngữ được toàn dân biết, chấp nhận và sử dụng rộng rãi trong giao tiếp.  *- Từ ngữ địa phương* là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.  - Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, từ ngữ địa phương được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích tô đậm màu sắc địa phương và làm cho nhân vật trở nên chân thật hơn, sinh động hơn.  Ví dụ: *Dừng lại đây hắt một mớ chim đi, tía!* (Đoàn Giỏi, Đấ*t rừng phương Nam)*  Ở ví dụ trên, màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét qua từ “tía” trong lời thoại của nhân vật. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**   1. Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp sau đây:   *a.- Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?*  *- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!*  (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Khoe của)*   1. - *Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?*   (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*   1. Đọc lại truyện *vắt cổ chày ra nước* và thực hiện các yêu cầu sau: 2. Xác định nghĩa hàm ẩn trong câu nói: *“Thế thì tao cho mượn cái này!”* của người chủ nhà. Nghĩa hàm ẩn này được thể hiện trong câu nói nào sau đó? 3. Người đày tớ thực sự muốn nói gì qua câu: *“Hay là ông cho tôi mượn cái chày giã cua vậy!”?* 4. Sau khi đọc xong truyện cười này, em hiểu thế nào về thành ngữ *vắt cổ chày ra nước?* Đặt câu có sử dụng thành ngữ này. 5. Đọc truyện cười *Văn hay* trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại* và thực hiện các yêu cầu sau: 6. Câu nói của người vợ: “Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* có nghĩa hàm ẩn gì? 7. Thầy đồ có hiểu đúng câu nói của vợ mình hay không? Dựa vào đâu em biết điều đó? 8. Theo em, nghĩa hàm ẩn do người nói/ người viết tạo ra và nghĩa hàm ẩn do người nghe/ người đọc suy ra có phải lúc nào cũng trùng nhau không? Vì sao? 9. Sưu tầm ít nhất một truyện cười có nghĩa hàm ẩn và phân tích nghĩa hàm ẩn có trong (các) truyện cười đó. 10. Các từ ngừ in đậm dưới đây được sử dụng ở vùng miền nào? Chúng có tác dụng gì trong việc biểu đạt giá trị của tác phẩm? 11. *Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!*   (Truyện cười dân gian Việt Nam, *Con rắn vuông)*   1. *Khoai sắn tình quê rất thiệt thà!*   (Tố Hữu, *Nhớ đồng)*   1. *Thò tay mà bứt cọng ngò*   *Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ.*  (Ca dao)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên chức năng và giá trị của từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang phần Luyện tập.  ***\* GV có thể cho HS chơi trò chơi tiếp sức xen kẽ các bài tập.***  → Mỗi Đội tìm 5 từ ngữ địa phương thời gian 2 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ngữ địa phương lên bảng. Sau 2 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà! | **-** Bài tập 1: Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp:   1. *Mục đích của người nói trong câu trên là khoe khoang: khoe con lợn cưới và chiếc áo mới. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào thông tin thừa (lợn “cưới”,từ lúc “tôi mặc cái áo mới này”) mà người nói đã cố tình thêm vào câu nói.* 2. *Câu:”Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?”: có nghĩa hàm ẩn: Anh đang nói khoác. Chúng ta có thể nhận ra nghĩa hàm ẩn này là nhờ vào tri thức nền: Trên đời này không có con rắn vuông bốn góc.*   Bài tập 2:   1. -Nghĩa hàm ẩn trong câu nói: Người chủ nhà muốn người đày tớ vận cái khố tải vào người, khi nào khát thì vặn ra mà uống.   - Nghĩa hàm ẩn được thể hiện trong câu nói ngay sau đó: “Vận vào…mà uống”.   1. Hàm ý của người đày tớ được thể hiện trong câu nói tiếp theo: “ Dạ, vắt cổ chày cũng ra nước !” ( Mỉa mai chủ nhà quá keo kiệt) 2. Truyện cười “Vắt cổ chày ra nước” giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa của thành ngữ: “Vắt cổ chày ra nước” (quá keo kiệt)   Bài tập 3:   1. Nghĩa hàm ẩn của câu:“Ông *lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?"* được thể hiện qua lượt thoại tiếp theo của người vợ: “ Ông chả biết tính toán gì cả, giấy khổ to bỏ đi còn gói hàng, chứ giấy khổ nhỏ thì dùng làm gì được”. Ở câu nói này, người vợ đã trêu đùa người chồng về khả năng viết lách của ông: bản thảo có thể bỏ đi. 2. Thầy đồ không hiểu đúng câu nói của vợ mình. Điều này thể hiện qua chi tiết: “ Thầy đồ lấy làm đắc chí… giấy khổ nhỏ không đủ chép”. 3. Không. Vì: Hàm ý và suy ý có thể khác nhau. Điều này phụ thuộc vào kiến thức nền, kĩ năng ngôn ngữ của mỗi người.   Bài tập 4:  HS tự sưu tầm.  VD: Truyện cười: Chiếm hết chỗ  Bài tập 5:   1. Từ “nom” được sử dụng ở vùng miền   Bắc. Tác dụng: tô đậm sắc thái địa phương; làm cho nhân vật trở nên chân thật, sinh động hơn.   1. Từ “thiệt thà” được sử dụng ở vùng miền Trung và miền Nam: làm cho màu sắc Nam Bộ hiện ra rõ nét. 2. Giả đò, ngò, ngó lơ: được sử dụng ở vùng miền Nam: đã làm nên màu sắc riêng cho câu ca dao. |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***\* Nhiệm vụ 1:***  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao bài tập cho HS)  *Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn.*  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của bài tập.  - HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  - HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.  ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét đoạn văn của HS.  \* Nhiệm vụ 2 :  ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS ( bài tập 6). Có thể cho HS về nhà làm.  Viết một đoạn hội thoại (khoảng ba đến bốn câu) trong đó có ít nhất một câu có nghĩa hàm ẩn và một từ ngữ địa phương nơi em sống.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn HS cách làm.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày  - HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…  ***B4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS. | **Ví dụ về đoạn văn có sử dụng hàm ẩn:**  Giờ ra chơi, Hùng rủ Phong:  - Chiều nay học có hai tiết, bạn có ở lại đá banh với tụi mình không?  Phong nói:  - Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.  Hùng tiếp lời:  -Vậy thôi bạn về trước đi nhé!  Thế rồi chúng em ra về.  ***Câu văn có nghĩa hàm ẩn:*** Học xong, mẹ tớ đến đón rồi.  Hàm ý: Tớ không ở lại đá banh với các cậu được.  ***Ví dụ đoạn hội thoại:***  Giờ tan học, Lan rủ Hoa:  - Mai được nghỉ học, bạn sang nhà tôi chơi nhé!  Hoa trả lời:  - Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.  Lan nói tiếp:  - Vậy chủ nhật tuần sau nhé!  Hoa trả lời:  - Chắc được á!  Sau đó, chúng tôi trở về nhà với một tậm trạng thật vui!  ***Câu văn có nghĩa hàm ẩn và từ địa phương:*** Mai **tui** phải coi nhà cho mẹ rồi.  - ***Từ địa phương: tui***  ***Nghĩa hàm ẩn: Tôi không đi chơi với bạn được.*** |

**Tiết 50 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: VĂN HAY**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi: ***Em đã được học những tác phẩm nào thuộc thể loại truyện cười? Ngoài các tác phẩm ấy, em còn đọc được tác phẩm nào thuộc thể loại này không?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ cảm nhận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới |  |

\***Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Xác định đề tài của văn bản  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **Hoạt động của GV và HS** | - Thể loại: Truyện cười  - Đề tài: Truyện cười trên thuộc đề tài châm biếm.  **Sản phẩm dự kiến** |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **\* Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+Xác định bối cảnh, cốt truyện*  *+ Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về nhân vật này?*  *+ Tác giả dân gian đã tạo ra tiếng cười cho truyện trên bằng cách nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.** | **1/ Cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ truyện**  - Cốt truyện xoay quanh tình huống một ông chồng cứ tưởng mình viết đẹp nhưng mà sự thực thì không phải vậy. - Bối cảnh gần gũi là hình ảnh hai vợ chồng trao đổi, giao tiếp hàng ngày.  **2. Nhân vật người vợ**  - Nhân vật người vợ được khắc họa qua những chi tiết: “Bà vợ đến bên cạnh bảo: Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không.; Bà vợ thong thả nói: Ông chả biết tính toàn gì cả....”  - Nhân vật này biết cách nói ẩn ý để châm chọc ông chồng của mình nhưng không khiến ông chồng cảm thấy bị xúc phạm.  => Tác giả dân gian đã tạo tiếng cười cho truyện bằng cách dùng lời nói của người vợ để châm biếm nhưng người chồng vẫn không hiểu. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Các tổ lựa chọn thành viên, đóng vai diễn lại câu chuyện  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

\***Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Em hãy đưa ra một số ý kiến của em về sự khác nhau giữa tự tin và tự cao  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**Tiết 51 TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm, …mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra giữa kì trước đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1. Đề kiểm tra** | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - Em hãy đọc lại đề kiểm tra đã thực hiện.  - Xác định cấu trúc của đề kiểm tra  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Tìm hiểu đề.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày trước lớp.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | - Cấu trúc đề kiểm tra gồm hai phần là “Đọc hiểu” (6 điểm) và “Làm văn” (4 điểm) |
| **2. Xây dựng dàn bài** | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - Em hãy trình bày nội dung trả lời cho từng câu hỏi.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Tìm hiểu câu trả lời cho từng câu hỏi.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày trước lớp.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, hình thành dàn bài. | *a*. *Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do*  *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: cảm xúc về một bài thơ tự do  *c. Triển khai nội dung đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ tự do*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết; sau đây là một số gợi ý  **a. Mở đoạn:**  - Giới thiệu bài thơ (tên bài thơ, tên tác giả)  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng chung nhất của em về bài thơ  **b. Thân đoạn:**  - Trình bày những nét độc đáo về nghệ thuật của bài thơ (cách ngắt nhịp và gieo vần, các biện pháp tu từ…)  - Từ các đặc sắc về nghệ thuật, trình bày những nét độc đáo và ý nghĩa của nội dung bài thơ  - Những cảm xúc, tình cảm của em về hình ảnh thơ nổi bật hoặc nội dung bài thơ  - Tác dụng và ý nghĩa của thể thơ tự do trong việc thể hiện cảm xúc, nội dung bài thơ  **c. Kết đoạn:**Cảm nghĩ của em về bài thơ.  *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo. |
| **3. Sửa sai** | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - GV cho HS tự đổi bài nhau để nhận xét, sửa lỗi  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Đọc bài và nhận xét, sửa lỗi  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày trước lớp.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS các nhóm bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá một số lỗi sai và cách sửa lỗi. | \* Một số lỗi sai:  - Chưa xác định được từ tượng hình, từ tượng thanh.  - Đoạn văn chưa viết theo đúng yêu cầu và chưa làm nổi bật câu chủ đề.  - Đoạn văn trình bày cảm xúc về một bài thơ tự do, một số bạn chưa xác định được thể thơ, chưa chỉ ra được nét đặc sắc về nghệ thuật, và những nét độc đáo, ý nghĩa nội dung của bài thơ |
| **4. Đọc bài viết tốt, trả bài, vô điểm** | |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:  - Xem lại bài viết của mình.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày bài viết được lựa chọn trước lớp.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá, vô điểm cho HS cả lớp. | - Nhận bài;  - Đọc bài viết được lựa chọn;  - Đọc điểm. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - Các em tiếp tục đổi bài cho nhau.  - Sửa lỗi về chính tả, dùng từ, viết câu.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS đổi bài và sửa lỗi.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày phần sửa lỗi của mình.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS các nhóm nhận xét với nhau.  - GV nhận xét, đánh giá. | \* Trình bày cảm xúc của em về một bài thơ tự do. |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| \* GV chuyển giao nhiệm vụ  - Xem video ngâm bài thơ “Quê hương của Giang Nam” và trình bày cảm xúc.  \* HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện cá nhân.  \* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS trình bày.  \* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập  - GV nhận xét, khen ngợi nhóm hoàn thành tốt.  - HS có thể thực hiện ở nhà, GV kiểm tra kết quả ở tiết sau. | Trình bày cảm xúc bài thơ “ Quê hương” của Giang Nam |

**Tiết 52, 53 VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi gợi mở: ***Quan sát những hình ảnh sau và cho cô biết “Em đã từng tham gia hoạt động xã hội nào?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả  - GV dẫn vào bài học mới  *Những hoạt động xã hội giúp bản thân chúng ta có nhiều kỉ niệm đáng nhớ. Vậy làm thế nào để viết được bài văn như vậy? Chúng ta cùng tìm hiểu bào học hôm nay* |  |

\* **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1. Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin về kiểu văn bản trong SGK trang 88  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và theo dõi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS ghi chép kiến thức quan trọng về kiểu bài  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **2. Thực hành viết theo các bước**  **\* Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và phân tích bài Chuyến thăm bệnh nhi tại bệnh viện ung bứu  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\*Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Theo em khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội chúng ta cần thực hiện theo mấy bước? Là những bước nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội**  1. Kiểu bài  Bài văn kể lại một hoạt động xã hội thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong bài văn đó, người viết kể lại các sự kiện của hoạt động xã hội mà mình đã tham gia, có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.  2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản  • Kể lại một hoạt động xã hội theo ngôi thứ nhất.  • Nêu được các thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động.  • Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí  • Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo  Mở bài: giới thiệu một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc  Thân bài: Nêu những thông tin cơ bản về hoạt động xã hội sẽ kể miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra hoạt động; kể lại các sự việc theo trình tự hoạt động xã hội; kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm  Kết bài: Khẳng định giá trị của hoạt động xã hội đã kể; nếu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà hoạt động gợi ra cho bản thân  **2. Thực hành viết theo các bước**  **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Câu 1:** Bài văn viết về hoạt động xã hội nào? Em có nhận xét gì về trình tự các sự việc được kể trong bài viết?  Bài văn viết về hoạt động tình nguyện xã hội là thăm bệnh nhân nhi ung thư.  Các sự việc trong bài viết được kể theo trình tự thời gian.  **Câu 2:** Chỉ ra đoạn văn giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động xã hội được kể.  Đoạn văn thứ hai giới thiệu thông tin cơ bản về hoạt động được kể.  **Câu 3:** Xác định ngôi kể của bài viết? Vì sao người viết chọn ngôi kể ấy?  Bài viết được viết theo ngôi thứ nhất. Người viết chọn ngôi kể ấy vì đây là bài văn kể lại một hoạt động xã hội, người viết phải chọn ngôi kể thứ nhất để đảm bảo tính chính xác và chân thực của văn bản.  **Câu 4:** Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung điều gì về hoạt động xã hội được kể trong bài viết?  Các yếu tố miêu tả, biểu cảm giúp em hình dung chân thực các sự việc mà người kể đã thực hiện về hoạt động xã hội được kể trong bài viết.  ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  *Đề bài: Hãy viết bài văn kể lại một họat động xã hội để lại cho em suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. Bài viết có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố trên.*  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết***  Để việc viết hiệu quả, em cần xác định:  – Mục đích viết bài này là gì (để chia sẻ suy nghĩ của mình với bạn bè trong lớp, trong trường/ tham gia một cuộc thi viết/ ghi nhật kí cho chính mình,...)?  – Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?  – Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?  ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***  Có thể thực hiện theo phiếu sau:    Em chọn những ý tiêu biểu, nổi bật và sắp xếp theo một trình tự hợp lý :  Mở bài: giới thiệu hoạt động xã hội định kể  Thân bài:  1.Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,…  2.Kể lại trình tự hoạt động:  - Sự việc 1  - Sự việc 2  - Sự việc 3  => Kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm  Kết bài:  - Khẳng định ý nghĩa hoạt động  - Nêu suy, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa vào dàn ý. Khi viết, em cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài  ***Bước 4: Xem và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  Sau khi viết xong em đọc lại bài viết và ghi nhận những tiêu chí đã đạt, đề xuất cách chỉnh sửa những tiêu chí chưa đạt dựa vào bảng kiểm sau  (xem phụ lục) |

\* **Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài làm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và những gì học hỏi được từ bạn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV xem và nhận xét bảng kiểm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**Tiết 54 NÓI VÀ NGHE.**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đưa ra các từ khóa: môi trường, ô nhiễm, bạo lực, học đường, trẻ em, bình đẳng giới, tình nguyện,….yêu cầu HS ghi lại 3 từ khóa em ấn tượng vào giấy note sau đó nộp lại cho GV  - GV lựa chọn 3 từ khóa được ghi nhiều nhất đặt câu hỏi: ***Theo em các từ khóa này nói về vấn đề nào trong đời sống của chúng ta ngày nay?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

\* **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **1. Chuẩn bị trước khi nghe**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định nội dung nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nghe và trình bày.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.    **2. Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm mà GV đã chia để thống nhất các tiêu chí đánh giá **kĩ năng trình bày**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề của cuộc sống  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình, yêu cầu các nhóm khác nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt tiêu chí. | **1. Chuẩn bị trước khi nghe**  **Bước 1: Chuẩn bị**  • Một nhóm nhỏ thảo luận nên gồm sáu thành viên.  Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn đất buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận  • Để thống nhất mục tiêu, thời gian buổi thảo luận, cả nhóm cần trả lời câu hỏi Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến bao lâu? Nhóm sẽ đánh bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến khi thảo luận?  • Để việc thảo luận được hiệu quả, mỗi thành viên cần tự trả lời các câu hỏi. Trong buổi thảo luận nhóm, người nghe của em là ai? Với đối tượng người nghe đó, em sẽ chọn cách nói cao để thuyết phục  • Nhóm trưởng thông báo cho thành viên vấn đề cần thảo luận. Mỗi thành viên về nhà tìm hiểu tư liệu, đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng về vấn đề, dự kiến các ý kiến trái chiều và cách thức phản hồi dựa vào những gợi ý sau  – Ý kiến của em về ý nghĩa của hoạt động xã hội với cộng đồng và bản thân, lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến  – Những ý kiến trái chiếu và phản hồi của em (dự kiến)  ***Bước 2: Thảo luận***  • Nhóm trưởng dẫn dắt để các thành viên trình bày, Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến. Cần đảm bảo mỗi thành viên đều trình bày dựa trên phần chuẩn bị ở nhà.  • Sau khi ghi nhận ý kiến của thành viên, cả nh ấn tập trung phản hồi các ý kiến trọng tâm, các ý kiến trái chiều được nhiều ..... viên quan tâm. Các thành viên tranh luận, trả lời các câu hỏi cũng như bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người khác.  \* Từ các ý kiến của từng thành viên, cả nhóm thế - nhất những ý kiến tiêu biểu, lựa chọn những lí lẽ bằng chứng xác đáng, thuyết phục. Kết quả thảo luận nhóm có thể được trình bày dưới dạng đoạn văn, sơ đồ tư duy, in-pho-gráp-phich (infographic)  • Sau buổi thảo luận, em hãy rút ra hai bài học kinh nghiệm cho bản thân dựa vào  1.Những điều em và nhóm đã làm tốt, chưa tốt  2. Gửi pháp khắc phục những điều chưa tốt  **2. Xác định các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày**  **Các tiêu chí đánh giá**  Xem ở bảng kiểm |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thực hiện hoàn thành bài nói và nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

\* **Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài trình bày của nhóm bạn  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**Tiết 55 ÔN TẬP**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hệ thống lại kiến thức trong chủ đề 4 bằng các câu hỏi  Câu 1: Truyện “Vắt cổ chày ra nước và May không đi giày thuộc thể loại nào? (Đáp án: truyện cười)  Câu 2: Trong truyện Khoe của, tác giả đã phê phán thói xấu nào trong xã hội? (Khoe khoang)  Câu 3: Nghĩa của câu thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng” là gì? ( Chỉ những người hiểu biết nông cạn, không ra ngoài học hỏi, chỉ biết dừng chân ở một chỗ)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS tham gia chơi trò chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá  - GV dẫn vào bài Ôn tập |  |

\* **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| 1. **Ôn tập một số đặc điểm về thể loại truyện cười.** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **Đọc lại các truyện cười đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở)**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** | | *Vắt cồ chày ra nước* |  |  |  |  | | *May không đi giày* |  |  |  |  | | *Khoe của* |  |  |  |  | | *Con rắn vuông* |  |  |  |  |     Ở các truyện cười trên, tiếng cười mang những sắc thái nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể loại truyện cười đã học.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Truyện** | **Đề tài** | **Bối cảnh** | **Nhân vật chính** | **Thủ pháp gây cười** | | Vắt cổ chày ra nước | Châm biếm thói keo kiệt | Người phú ông muốn đầy tớ đi làm việc cho mình ở nơi xa nhưng lại không cho anh ta tiền uống nước | Phú ông | Sử dụng hàm ẩn trong câu nói của nhân vật | | May không đi giày | Châm biếm thói keo kiệt | Người đàn ông đi chân đất nhưng lại không thấy đau mà lại tiếc giày | Người bị chảy máu chân | Suy nghĩ keo kiệt của nhân vật | | Khoe của | Châm biếm thói khoe khoang | Một người mất lợn đi tìm lợn hỏi phải người khoe khoang | Hai người đối đáp | Sử dụng câu nói không đúng mục đích hỏi | | Con rắn vuông | Châm biếm thói khoác lác | Người chồng khoe với người vợ về con rắn mình nhìn thấy | Người chồng | Người vợ khiến người chồng tự bộc lộ sự vô lý của mình |   Tiếng cười dí dỏm, hài hước (*Con rắn vuông:* Châm biếm thói khoác lác), tiếng cười phê phán (*Vắt cổ chày ra nước, May không đi giày:* châm biếm thói keo kiệt*, Khoe của:* Châm biếm thói khoe khoang). |
| 1. **Ôn tập nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  Xác định nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ sau:  Đời người có một gang tay,  Ai hay ngủ ngày còn lại nửa gang.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong câu tục ngữ.  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  **HS**:  - Trả lời câu hỏi.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho về phần trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | - Nghĩa tường minh: Cuộc đời một con người thật ngắn ngủi (chỉ bằng một gang tay)  - Câu tục ngữ đã cho có nghĩa hàm ẩn: Đời người vốn ngắn ngủi; với những người hay ngủ ngày, cuộc đời đã vốn ngắn ngủi ấy còn ngắn hơn nữa. Câu tục ngữ có ý phê phán một cách hài hước những người hay ngủ ngày, những người không biết quý trọng thời gian để sống có ý nghĩa. |
| 1. **Ôn tập từ ngữ địa phương.** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ. (GV)**  Tìm ít nhất một câu tục ngữ hoặc ca dao trong đó có từ ngừ địa phương nơi em sống. (Phú Yên)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **HS:**  Sưu tầm câu tục ngữ  **B3: Báo cáo, thảo luận.**  **GV:**  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS:**  - Báo cáo sản phẩm của bản thân.  - Theo dõi, nhận xét và bổ sung cho phần trình bày của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | - Anh về ngoài Yến tạ lăng, Bỏ em kéo vải sáng trăng một mình.  - Ai ơi bưng bát cơm đầy, Đồng Cam xây dựng nhớ ngày năm xưa.  Gian nan, cực nhọc, bấy giờ… Công ơn biết mấy cho vừa đừng quên.  - Ai ơi về với sông Hinh, Đất màu lắm cá, lình xình làm chi?  - An Dân, Xuân Thọ chia hai, Chỉ vì cái đảnh Xuân Đài làm ranh.  - Ăn tôm thì nhớ chợ Gành, Ăn tương thì nhớ đậu nành Trung Lương.  - Anh về Bình Định thăm cha, Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hoà thăm em.  - Chóp Chài đội mũ, mây phủ Đá Bia,  Ếch nhái kêu lia, trời mưa như trút.  - Con ngựa tía ăn quanh Đèo Cả  Bóng trăng rằm sắp ngả về Đông  Chẳng thà giục ngựa về không Chẳng thèm cướp vợ tranh chồng người ta.  - Con trai xóm Cầu đầu gối quá tai, Con gái Giếng Hai mình dài như sấu.  - Cọp núi Lá, Cá sông Hinh. |
| 1. **Ôn tập về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS nêu hai bài học kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả .***  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Để việc viết hiệu quả, em cần xác định:  - Mục đích viết bài này là gì?  - Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?  - Với mục đích và người đọc đó, em sẽ chọn nội dung và cách viết như thế nào?  - Em hãy nhớ lại những thông tin, tìm hình ảnh, ghi chép cá nhân mà em đã lưu lại từ những hoạt động đó hoặc những hình ánh, thông tin trên trang web của trường.  - Thu thập các tư liệu để tìm hiểu thêm về hoạt động xã hội em chọn viết trên các nguồn tham khảo uy tín như:  - Trang web chính thức của hoạt động hoặc đơn vị tổ chức. Các trang web này thường có đuôi: .gov (thuộc chính phủ), .org (các tổ chức xã hội), .edu (về giáo dục).  - Các bài báo, phim tư liệu, bàn tin về hoạt dộng trên các trang báo lớn như: Nhân dân, Thanh niên, Tuổi trẻ, Người lao động,...; kênh truyền hình trung ương và địa phương.  - Cần tìm ý trước khi viết bài.  - Nên chú ý đến các yếu tố thực tế như quang cảnh, con người. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ****:* (GV giao bài tập 7)  Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý điều gì về cách phản hồi ý kiến của người khác?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ ý kiến của mình.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm.  - HS đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung.  ***B4: Kết luận, nhận định:*** GV nhận xét bài làm của HS. | ***Gợi ý trả lời:***  Khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống, ta cần chú ý lắng nghe và tôn trọng, học hỏi về cách phản hồi ý kiến của người khác đề từ đó có thể rút ra kinh nghiệm, tìm ra những điểm hạn chế của bản thân. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***B1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Giáo viên giao bài tập cho HS.  Theo em, thế nào là một tiếng cười có ý nghĩa? Tiếng cười có giá trị như thế nào trong cuộc sông của chúng ta?  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.  - GV hướng dẫn HS cách làm.  ***B3: Báo cáo, thảo luận***  - GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày  - HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…  ***B4: Kết luận, nhận định****:* GV nhận xét bài làm của HS. | ***Gợi ý trả lời:***   * Tiếng cười có ý nghĩa là tiếng cười có thể giúp bản thân và những người xung quanh cảm thấy thoải mái, vui vẻ, lạc quan, yêu đời. * Tiếng cười: * Giúp chúng ta suy nghĩ lạc quan. * Giúp chúng ta có niềm tin trong cuộc sống. * Níu con người lại gần nhau hơn. * Níu lại tuổi thanh xuân cho chúng ta. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:***

Nắm nội dung đã ôn tập.

***- Bài sắp học:*** ***Những tình huống khôi hài***

+ Đọc văn bản “Ông Giuốc – Đanh mặc lễ phục”

+ Tìm hiểu văn bản qua hệ thống câu hỏi “Suy ngẫm và phản hồi”

**Tổ trưởng Người soạn**

Phạm Thị Minh Nguyệt Huỳnh Thị Bích Thùy